

BẢN THUYẾT MINH

Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ một số điều về thủ tục hành chính của các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ:

1. Ngày 26/3/2025, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/03/2025 về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026. Tại Nghị quyết 66/NQ-CP, Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành tổ chức thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa các TTHC thuộc chức năng quản lý của Bộ, ngành để đạt mục tiêu: Trong năm 2025, cắt giảm, đơn giản hoá ngay thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh bảo đảm bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết; giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết của các TTHC, 30% chi phí tuân thủ TTHC, 100% TTHC liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch, hiệu quả.

Ngày 30/6/2025, thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP, NHNN đã ban hành Quyết định số 2569/QĐ-NHNN phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hoá quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 2025 (Quyết định 2569/QĐ-NHNN).

Thực hiện yêu cầu của VPCP tại công văn số 6491/VPCP-KSTT về việc tiếp tục rà soát xây dựng phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC để đạt chỉ tiêu theo Nghị Quyết 66/NQ-CP, NHNN tiếp tục rà soát và xây dựng Phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC và trình Chính phủ phê duyệt. Ngày 16/9/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2070/QĐ-TTg phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước.

Theo phương án cắt giảm, đơn giản hoá tại Quyết định số 2070/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2569/QĐ-NHNN, trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối, để bãi bỏ điều kiện kinh doanh, bãi bỏ TTHC, cắt giảm thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết TTHC và nâng cấp TTHC lên dịch vụ công trực tuyến, cần phải sửa đổi 06 văn bản (02 Quyết định và 04 Thông tư), bao gồm: Quyết định số 17/2004/QĐ-NHNN, Quyết định số 21/2008/QĐ-NHNN, Thông tư số 32/2013/TT-NHNN, Thông tư số 34/2015/TT-NHNN, Thông tư 20/2015/TT-NHNN và Thông tư 21/2014/TT-NHNN¹. Trong đó, thực hiện chương trình xây dựng VBQPPL năm 2025, NHNN đã xây dựng Thông tư thay thế

¹ Quyết định số 17/2004/QĐ-NHNN ngày 05/01/2004 về việc ban hành Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia (Quyết định số 17/2004/QĐ-NHNN); Quyết định số 21/2008/QĐ-NHNN ngày 11/7/2008 ban hành Quy chế đại lý đối ngoại tệ (Quyết định số 21/2008/QĐ-NHNN); Thông tư số 32/2013/TT-NHNN ngày 26/12/2013 hướng dẫn thực hiện quy định hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam (Thông tư số 32/2013/TT-NHNN); Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ (Thông tư số 34/2015/TT-NHNN); Thông tư 20/2015/TT-NHNN quy định về mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài (Thông tư số 20/2015/TT-NHNN); Thông tư 21/2014/TT-NHNN ngày 14/8/2014 hướng dẫn về phạm vi hoạt động ngoại hối, điều kiện, trình tự thủ tục chấp thuận hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư số 21/2014/TT-NHNN).

Thông tư 20/2015/TT-NHNN liên quan đến TTHC cấp phép cho tổ chức mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài và thực hiện quy trình xin ý kiến các đơn vị liên quan, xin ý kiến rộng rãi. Dự kiến Thông tư được ban hành trong tháng 10/2025.

Như vậy, trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối, còn 05 văn bản (02 Quyết định và 03 Thông tư) cần thiết phải sửa đổi để thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa TTHC theo Nghị quyết 66/NQ-CP.

2. Tại Nghị quyết 66/NQ-CP, Chính phủ chỉ đạo các Bộ, Ngành “*Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định, TTHC tại các văn bản quy phạm pháp luật áp dụng hình thức một văn bản sửa đổi nhiều văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định pháp luật về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, điều kiện đầu tư kinh doanh.*”

Xuất phát từ tình hình trên, để thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh và TTHC theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết 66/NQ-CP, việc xây dựng 01 Thông tư sửa đổi bổ sung một số điều về TTHC của các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối (Thông tư) để sửa đổi 05 văn bản quy định về TTHC trong lĩnh vực cung ứng và sử dụng dịch vụ ngoại hối là cần thiết.

STT	Quy định hiện hành	Dự thảo thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
Chương II. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia			
1.	Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia ban hành theo Quyết định số 17/2004/QĐ-NHNN Điều 11. Tổ chức thực hiện Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới quán triệt nội dung Quy chế này, xin ý kiến chỉ đạo của cấp Ủy và chính quyền địa phương, tổ chức và triển khai thực hiện thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; phổ biến hướng dẫn các doanh nghiệp trên địa bàn; thực hiện phối hợp cùng các cơ quan hữu quan như thương mại, tài chính, hải quan, công an, biên phòng tổ chức triển khai tốt hoạt động thanh toán hàng hóa xuất nhập khẩu và dịch vụ thương mại tại Khu vực biên giới. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh (thành phố) tổ chức triển khai việc cấp phép theo Quy chế này, tăng cường quản lý và giám sát việc thực hiện đối với các Ngân hàng được phép và tổ chức, cá nhân trên địa bàn có tham gia thanh toán biên giới. Tổng Giám đốc (Giám đốc) các Ngân hàng được phép chỉ đạo các Chi nhánh của Ngân hàng mình tại các tỉnh biên giới Việt Nam-Campuchia chủ	Điều 11. Tổ chức thực hiện Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có tỉnh biên giới quán triệt nội dung Quy chế này, xin ý kiến chỉ đạo của cấp Ủy và chính quyền địa phương, tổ chức và triển khai thực hiện thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; phổ biến hướng dẫn các doanh nghiệp trên địa bàn; thực hiện phối hợp cùng các cơ quan hữu quan như thương mại, tài chính, hải quan, công an, biên phòng tổ chức triển khai tốt hoạt động thanh toán hàng hóa xuất nhập khẩu và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có tỉnh biên giới quản lý và giám sát việc thực hiện thanh toán biên giới đối với các ngân hàng được phép và tổ chức, cá nhân trên địa bàn. Tổng Giám đốc (Giám đốc) các ngân hàng được phép chỉ đạo các chi nhánh của ngân hàng mình tại các tỉnh biên giới Việt Nam - Campuchia chủ động liên hệ với các ngân hàng thương mại phía Campuchia để thoả thuận đặt quan hệ đại lý thanh toán phục vụ xuất nhập khẩu hàng hóa bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi, VND, KHR theo Quy chế này, đáp ứng nhu cầu thanh toán trong các giao dịch mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ thương mại giữa thương	Tại Điều 11: Bãi bỏ cụm từ “Tổ chức triển khai cấp phép theo quy chế này” trong trách nhiệm tổ chức thực hiện của NHNN khu vực để phù hợp với việc bãi bỏ TTHC, cấp phép thu ngoại tệ tiền mặt từ xuất khẩu sang Campuchia.

STT	Quy định hiện hành	Dự thảo thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
	động liên hệ với các Ngân hàng thương mại phía Campuchia để thoả thuận đặt quan hệ đại lý thanh toán phục vụ xuất nhập khẩu hàng hóa bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi, VND, KHR theo Quy chế này, đáp ứng nhu cầu thanh toán trong các giao dịch mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ thương mại giữa thương nhân hai nước tại Khu vực biên giới giữa Việt Nam và Campuchia.	nhân hai nước tại khu vực biên giới giữa Việt Nam và Campuchia.”	
2.	Điều 5. Thay thế, bãi bỏ một số điểm, khoản, Điều, Phụ lục của Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia ban hành theo Quyết định số 17/2004/QĐ-NHNN 1. Điều 3. Các hình thức thanh toán d) Thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi tiền mặt; 2. Điều 8. Thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi tiền mặt “1. Việc sử dụng ngoại tệ tự do chuyển đổi tiền mặt để thanh toán trong các giao dịch mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới giữa thương nhân Việt Nam và thương nhân Campuchia chỉ được áp dụng trong trường hợp thương nhân của hai bên không thể thanh toán qua Ngân hàng và chỉ được áp dụng cho thương nhân Việt Nam được nhận thanh toán	1. Bãi bỏ điểm d Điều 3. 2. Bãi bỏ Điều 8. 3. Bãi bỏ khoản 2 Điều 12. 4. Bãi bỏ Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 4 ban hành kèm theo Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia. 5. Thay thế Phụ lục 5 ban hành kèm theo Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia bằng Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.	- Bãi bỏ điểm d Điều 3 về “Thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi tiền mặt”. Lý do: khi bãi bỏ thủ tục cấp phép thu ngoại tệ tiền mặt từ xuất khẩu sang Campuchia sẽ không còn hình thức thanh toán bằng ngoại tệ tiền mặt. - Bãi bỏ Điều 8 quy định về TTHC cấp phép thu ngoại tệ tiền mặt từ xuất khẩu sang Campuchia để bãi bỏ 01 TTHC theo phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC. - Đồng thời, bãi bỏ khoản 2 Điều 12; bãi bỏ Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 4; Thay thế Phụ lục 5 liên quan đến chế độ báo cáo và các mẫu đơn, mẫu giấy phép liên quan đến TTHC cấp

STT	Quy định hiện hành	Dự thảo thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
	bằng ngoại tệ tiền mặt thông qua việc bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho thương nhân Campuchia, không áp dụng cho thương nhân Việt Nam được dùng ngoại tệ tiền mặt thanh toán cho hàng hóa nhập khẩu và cung ứng dịch vụ từ phía Campuchia. Khi có nhu cầu thu ngoại tệ tiền mặt, thương nhân Việt Nam lập 01 bộ hồ sơ gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc gửi trực tiếp đến Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn nơi thương nhân đặt trụ sở để được cấp Giấy phép thu ngoại tệ tiền mặt từ xuất khẩu sang Campuchia. Hồ sơ xin cấp giấy phép gồm: - Đơn xin phép thu ngoại tệ tiền mặt từ xuất khẩu sang Campuchia theo mẫu tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này; - Bản sao văn bản chấp nhận của cơ quan có thẩm quyền đối với trường hợp hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu và hàng hóa xuất khẩu có điều kiện; - Bản sao hợp đồng thương mại đã ký với thương nhân Campuchia có thỏa thuận phương thức thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi tiền mặt (có xác nhận của người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp). Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố thực hiện việc cấp Giấy phép thu		phép thu ngoại tệ tiền mặt từ xuất khẩu sang Campuchia. - Điểm c khoản 2 Điều 20 dự thảo Thông tư này bãi bỏ điều 2, Phụ lục 03 của Thông tư số 23/2022/TT-NHNN ngày 30/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của văn bản quy phạm pháp luật để phân cấp giải quyết TTHC trong lĩnh vực ngoại hối để đảm bảo sửa đổi đồng bộ các văn bản khi bãi bỏ TTHC cấp phép thu ngoại tệ tiền mặt từ xuất khẩu sang Campuchia.

STT	Quy định hiện hành	Dự thảo thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
	ngoại tệ tiền mặt từ xuất khẩu sang Campuchia cho thương nhân Việt Nam theo mẫu giấy phép tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Thương nhân Việt Nam phải nộp số ngoại tệ tiền mặt thu được vào tài khoản tiền gửi ngoại tệ của mình tại Ngân hàng được phép trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày ngoại tệ tiền mặt được mang về nước theo xác nhận của Hải quan cửa khẩu. Sau khi nộp số ngoại tệ tiền mặt thu được vào tài khoản tiền gửi ngoại tệ của mình, thương nhân phải gửi bản sao Giấy nộp tiền mặt vào tài khoản cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi cấp Giấy phép thu ngoại tệ tiền mặt. Khi nộp ngoại tệ tiền mặt vào tài khoản, ngoài Giấy phép thu ngoại tệ tiền mặt được cấp, thương nhân Việt Nam phải nộp cho Ngân hàng thương mại các giấy tờ sau: - Bản chính tờ khai hải quan (có xác nhận của Hải quan cửa khẩu về số ngoại tệ mang từ nước ngoài vào); - Bản sao tờ khai hàng hóa xuất khẩu (nộp sau khi xuất hàng). 2. Thương nhân Việt Nam nhận thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi tiền mặt trong các giao		

STT	Quy định hiện hành	Dự thảo thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
	dịch mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ thương mại với thương nhân Campuchia tại Khu vực biên giới giữa Việt Nam và Campuchia phải tự chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn và chịu mọi rủi ro trong quá trình thanh toán.” 3. Điều 12. Chế độ thông tin báo cáo “2. Hàng quý, chậm nhất vào ngày 05 tháng đầu quý sau, các doanh nghiệp thực hiện thanh toán với Campuchia bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi tiền mặt làm báo cáo tình hình thu và nộp ngoại tệ tiền mặt vào tài khoản và gửi về Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh (thành phố) trên địa bàn (theo mẫu tại Phụ lục 4).”		

Chương III. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA

QUYẾT ĐỊNH SỐ 21/2008/QĐ-NHNN

3.	Điều 4a. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ; đăng ký thay đổi đại lý đổi ngoại tệ 1. Hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt. Trường hợp thành phần hồ sơ dịch từ tiếng nước ngoài, tổ chức được lựa chọn nộp tài liệu đã được công chứng hoặc chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định về công chứng, chứng thực của pháp luật Việt Nam hoặc tài liệu có xác nhận của người đại diện hợp pháp của tổ chức. 2. Đối với thành phần hồ sơ là bản sao, tổ chức được lựa chọn nộp bản sao có chứng thực hoặc bản	Điều 6. Sửa đổi, bổ sung Điều 4a của Quy chế đại lý đổi ngoại tệ ban hành theo Quyết định số 21/2008/QĐ-NHNN “Điều 4a. Nguyên tắc lập, gửi và trả kết quả đối với hồ sơ đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ; đăng ký thay đổi đại lý đổi ngoại tệ 1. Tổ chức kinh tế nộp hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính và nhận kết quả thủ tục hành chính theo một trong ba cách thức sau: a) Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia;	Sửa đổi, bổ sung Điều 4a về “Nguyên tắc lập, gửi và trả kết quả đối với hồ sơ đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ; đăng ký thay đổi đại lý đổi ngoại tệ”, trong đó bổ sung hình thức lập, gửi và trả kết quả theo hình thức trực tuyến.
----	--	--	---

STT	Quy định hiện hành	Dự thảo thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
	sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức đó về tính chính xác của bản sao so với bản chính. Trường hợp tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn và các giấy tờ bản sao không phải là bản sao có chứng thực, bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức thì tổ chức phải xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu. Người đối chiếu hồ sơ phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.	b) Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực; c) Gửi qua dịch vụ bưu chính. 2. Văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ, văn bản từ chối chấp thuận đăng ký đại lý đối ngoại tệ, đăng ký thay đổi đại lý đối ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực được thực hiện dưới hình thức văn bản điện tử. 3. Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Trường hợp tổ chức thuộc đối tượng chưa được cấp định danh tại VneID hoặc hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước Khu vực. 4. Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là bản gốc văn bản điện tử, bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF) trừ Đơn đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý đối ngoại tệ, Đơn đăng ký thay đổi đại lý đối ngoại tệ được khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	

STT	Quy định hiện hành	Dự thảo thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
		5. Các tài liệu trong hồ sơ giấy là bản chính hoặc bản sao từ sổ gốc, bản sao có chứng thực, bản sao có xác nhận của tổ chức về việc sao từ bản chính hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu. Trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính. 6. Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực chấp thuận đăng ký đại lý đối ngoại tệ, đăng ký thay đổi đại lý đối ngoại tệ phải được lập thành một bộ bằng tiếng Việt. Trường hợp hồ sơ gốc bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt do tổ chức tự dịch (bản dịch phải được xác nhận về tính chính xác so với nội dung tiếng nước ngoài bởi người đại diện hợp pháp của tổ chức) hoặc thông qua một đơn vị cung cấp dịch vụ dịch thuật. 7. Việc tiếp nhận hồ sơ được thực hiện quy định hiện hành của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và cổng dịch vụ công quốc gia và theo quy định tại Quy chế này. Đối với hồ sơ được nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia, cán bộ tại Bộ phận Một cửa thông báo về việc tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ cho tổ chức không muộn hơn 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi Hệ	

STT	Quy định hiện hành	Dự thảo thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
		thông thông tin giải quyết thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ. Việc thông báo được gửi đến tài khoản của tổ chức trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua chức năng gửi thư điện tử hoặc gửi tin nhắn điện thoại tự động của Cổng dịch vụ công quốc gia. 8. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính gửi cho tổ chức là bản điện tử hoặc bản giấy (trong trường hợp tổ chức đề nghị).”	
4.	Điều 7a. Trình tự, thủ tục chấp thuận đăng ký đại lý đối ngoại tệ; đăng ký thay đổi đại lý đối ngoại tệ 2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đối ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy chế này) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi đại lý đối ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Quy chế này). Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản thông báo rõ lý do.	Điều 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7a của Quy chế đại lý đối ngoại tệ ban hành theo Quyết định số 21/2008/QĐ-NHNN “2. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trên địa bàn xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đối ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy chế này) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi đại lý đối ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Quy chế này). Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có thông báo trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ (trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 4a Quy chế này).	Sửa đổi quy định để cắt giảm thời gian xử lý TTHC chấp thuận đăng ký đối ngoại tệ; đăng ký thay đổi đại lý đối ngoại tệ từ 30 ngày làm việc xuống 20 ngày làm việc. Đồng thời bổ sung hình thức gửi thông báo/công văn theo hình thức trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

STT	Quy định hiện hành	Dự thảo thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
		Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có thông báo trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc thông báo bằng văn bản gửi tổ chức (trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 4a Quy chế này) và nêu rõ lý do.”	
5.	1. Điều 7a. Trình tự, thủ tục chấp thuận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ; đăng ký thay đổi đại lý đổi ngoại tệ 1. Tổ chức kinh tế có nhu cầu thực hiện hoạt động đại lý đổi ngoại tệ hoặc thay đổi đại lý đổi ngoại tệ gửi 01 (một) bộ hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn nơi tổ chức kinh tế đặt đại lý đổi ngoại tệ. 2. Điều 7. Hồ sơ đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ; đăng ký thay đổi đại lý đổi ngoại tệ 1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ bao gồm: c) Bản sao giấy tờ chứng minh việc tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng	Điều 8. Bãi bỏ một số điểm, khoản, Điều của Quy chế đại lý đổi ngoại tệ ban hành theo Quyết định số 21/2008/QĐ-NHNN 1. Bãi bỏ khoản 1 Điều 7a. 2. Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 7 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 2 Thông tư số 11/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bản đổi ngoại tệ của cá nhân).	1. Bãi bỏ khoản 1 Điều 7a: Vì các nội dung tại khoản này đã được quy định tại Điều 4a về nguyên tắc lập, gửi và trả kết quả hồ sơ theo các hình thức trực tuyến, qua cổng DVC quốc gia; trực tiếp tại bộ phận 1 cửa NHNN VN; gửi qua dịch vụ bưu chính. 2. Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 7 để cắt giảm thành phần hồ sơ không cần thiết có thể khai thác từ CSDL chuyên ngành của các Bộ, ngành liên quan.

STT	Quy định hiện hành	Dự thảo thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
	ký đầu tư hoặc các giấy tờ khác tương đương theo quy định của pháp luật.		

Chương IV

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 32/2013/TT-NHNN

6.	Điều 4a. Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam. 1. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam: a) Hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt. Trường hợp thành phần hồ sơ dịch từ tiếng nước ngoài, tổ chức được lựa chọn nộp tài liệu đã được chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định về chứng thực của pháp luật Việt Nam hoặc tài liệu có xác nhận của người đại diện hợp pháp của tổ chức; b) Đối với thành phần hồ sơ là bản sao, tổ chức được lựa chọn nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức đó về tính chính xác của bản sao so với bản chính. Trường hợp tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối) và các giấy tờ bản sao không phải là bản sao có chứng thực, bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức thì tổ chức phải xuất trình kèm	Điều 9. Sửa đổi, bổ sung Điều 4a “Điều 4a. Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam 1. Nguyên tắc lập, gửi và trả kết quả hồ sơ đề nghị chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam: a) Tổ chức nộp hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính và nhận kết quả thủ tục hành chính theo một trong ba cách thức sau: (i) Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia; (ii) Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; (iii) Gửi qua dịch vụ bưu chính. b) Văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ, văn bản từ chối chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được thực hiện dưới hình thức văn bản điện tử;	- Sửa đổi, bổ sung quy định về nguyên tắc lập, gửi và trả kết quả đối với hồ sơ đề nghị chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ, trong đó bổ sung hình thức giải quyết TTHC theo hình thức trực tuyến để thực hiện NQ 66. - Cắt giảm thành phần hồ sơ không cần thiết có thể khai thác từ CSDL chuyên ngành của các Bộ, ngành khác là giấy tờ chứng minh việc tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ khác tương đương theo quy định của pháp luật.
----	---	---	--

STT	Quy định hiện hành	Dự thảo thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
	theo bản chính để đối chiếu. Người đối chiếu hồ sơ phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính. 2. Tổ chức có nhu cầu sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam theo quy định tại khoản 17 Điều 4 Thông tư này lập 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối). Hồ sơ bao gồm: a) Văn bản đề nghị chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam, trong đó trình bày cụ thể sự cần thiết sử dụng ngoại hối; b) Bản sao giấy tờ chứng minh việc tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ khác tương đương theo quy định của pháp luật; c) Các hồ sơ, tài liệu chứng minh nhu cầu cần thiết sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam. 3. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ. Trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt	c) Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Trường hợp tổ chức thuộc đối tượng chưa được cấp định danh tại VneID hoặc hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước; d) Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là bản gốc văn bản điện tử, bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF) trừ Đơn đề nghị chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam được khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia; đ) Các tài liệu trong hồ sơ giấy là bản chính hoặc bản sao từ sổ gốc, bản sao có chứng thực, bản sao có xác nhận của tổ chức về việc sao từ bản chính hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu. Trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính;	- Cắt giảm thời gian xử lý TTHC từ 45 ngày xuống còn 35 ngày.

STT	Quy định hiện hành	Dự thảo thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
	Nam căn cứ vào tình hình thực tế và tính chất cần thiết của từng trường hợp để xem xét cấp văn bản chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thông báo rõ lý do.	e) Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam phải được lập thành một bộ bằng tiếng Việt. Trường hợp hồ sơ gốc bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt do tổ chức tự dịch (bản dịch phải được xác nhận về tính chính xác so với nội dung tiếng nước ngoài bởi người đại diện hợp pháp của tổ chức) hoặc thông qua một đơn vị cung cấp dịch vụ dịch thuật. g) Việc tiếp nhận hồ sơ được thực hiện quy định hiện hành của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và cổng dịch vụ công quốc gia và theo quy định tại Thông tư này. Đối với hồ sơ được nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia, cán bộ tại Bộ phận Một cửa thông báo về việc tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ cho tổ chức không muộn hơn 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ. Việc thông báo được gửi đến tài khoản của tổ chức trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua chức năng gửi thư điện tử hoặc gửi tin nhắn điện thoại tự động của Cổng dịch vụ công quốc gia. h) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính gửi cho tổ chức là bản điện tử hoặc bản giấy (trong trường hợp tổ chức đề nghị)."	

STT	Quy định hiện hành	Dự thảo thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
		2. Hồ sơ bao gồm: a) Đơn đề nghị chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam; b) Văn bản trình bày sự cần thiết sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam kèm theo các hồ sơ, tài liệu chứng minh. 3. Trong thời hạn 35 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam căn cứ vào tình hình thực tế và tính chất cần thiết của từng trường hợp để xem xét cấp văn bản chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có thông báo trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ (trong trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này). Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có thông báo trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc thông báo bằng văn bản gửi tổ chức (trong trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này) và nêu rõ lý do.”	
7.	Điều 10. Bổ sung Phụ lục	Bổ sung Phụ lục II về mẫu Đơn đề nghị chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư này.	Bổ sung mẫu Đơn đề thống nhất áp dụng cho tổ chức nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

STT	Quy định hiện hành	Dự thảo thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
Chương V SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 21/2014/TT-NHNN			
8.	Điều 12. Trình tự, thủ tục chấp thuận hoạt động ngoại hối 2. Trong thời hạn 40 (bốn mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước xem xét: a) Cấp Giấy phép thành lập và hoạt động (đối với trường hợp cấp mới hoặc cấp đổi Giấy phép) hoặc Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép cho ngân hàng thương mại đối với trường hợp chấp thuận hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế; b) Cấp văn bản chấp thuận cho ngân hàng thương mại đối với trường hợp chấp thuận hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế. Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước cho ngân hàng thương mại thực hiện các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế bao gồm các nội dung chính sau: tên nghiệp vụ, sản phẩm, nhóm sản phẩm được thực hiện; thời hạn thực hiện; khối lượng thực hiện, các hạn chế và điều kiện đảm bảo an toàn (nếu có);	Điều 11. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 “Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước xem xét: a) Chấp thuận hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước, thị trường quốc tế cho ngân hàng thương mại dưới hình thức cấp mới/cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép; b) Chấp thuận hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước, thị trường quốc tế cho ngân hàng thương mại. Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước cho ngân hàng thương mại thực hiện các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế bao gồm các nội dung chính sau: tên nghiệp vụ, sản phẩm, nhóm sản phẩm được thực hiện; thời hạn thực hiện; các hạn chế và điều kiện đảm bảo an toàn (nếu có). Văn bản chấp thuận hoạt động ngoại hối khác cho ngân hàng thương mại theo mẫu tại Phụ lục 04 đính kèm Thông tư này.	Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 để cắt giảm thời gian xử lý TTHC chấp thuận hoạt động ngoại hối cho TCTD từ 40 ngày xuống còn 30 ngày.

STT	Quy định hiện hành	Dự thảo thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
	c) Trường hợp từ chối chấp thuận hoạt động ngoại hối, Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản cho ngân hàng thương mại và nêu rõ lý do.	c) Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản cho ngân hàng thương mại và nêu rõ lý do.”	
9.	1. Khoản 1(a) Điều 10. Điều kiện thực hiện hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và quốc tế “1. Trong từng thời kỳ, căn cứ mục tiêu của chính sách tiền tệ, chính sách quản lý ngoại hối, ngân hàng thương mại được xem xét, cho phép thực hiện có thời hạn các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế khi đáp ứng các điều kiện sau: a) Đã được phép thực hiện một phần hoặc toàn bộ hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước hoặc trên thị trường quốc tế;” 2. Khoản 3, khoản 4 Điều 29: “3. Đối với các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế: a) Căn cứ mục tiêu của chính sách tiền tệ, chính sách quản lý ngoại hối trong từng thời kỳ, Ngân hàng Nhà nước xem xét, cho phép Ngân hàng Chính sách Xã hội thực hiện có thời hạn đối với từng sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm cụ thể, bao gồm các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế ngoài các hoạt động ngoại hối quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này trên cơ sở Ngân hàng Chính sách Xã hội đáp	Điều 12. Bãi bỏ một số điểm, khoản, Điều 1. Bãi bỏ điểm a khoản 1 Điều 10. 2. Bãi bỏ khoản 3, khoản 4 Điều 29. 3. Bãi bỏ khoản 3, khoản 4 Điều 29a. 4. Bãi bỏ Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34.	- Bãi bỏ điểm a khoản 1 Điều 10 để cắt giảm điều kiện chấp thuận hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và quốc tế cho TCTD. - Bãi bỏ khoản 3, khoản 4 Điều 29 liên quan đến điều kiện, trình tự, thủ tục chấp thuận hoạt động ngoại hối khác của ngân hàng chính sách xã hội do TTHC này không phù hợp với mục tiêu và nhu cầu hoạt động của Ngân hàng chính sách xã hội. - Bãi bỏ khoản 3, khoản 4 Điều 29a liên quan đến điều kiện, trình tự, thủ tục chấp thuận hoạt động ngoại hối khác của ngân hàng Phát triển Việt Nam do TTHC này không phù hợp với mục tiêu và nhu cầu hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam. - Bãi bỏ Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34 về quy định hồ sơ,

STT	Quy định hiện hành	Dự thảo thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
	ứng đủ điều kiện và hồ sơ như đối với ngân hàng thương mại theo quy định tại điểm a, b, c, d, e khoản 1 Điều 10 và điểm a, c, d, đ, e khoản 4 Điều 11 Thông tư này; b) Sau khi hết thời hạn được phép thực hiện các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế tại văn bản chấp thuận có thời hạn, trường hợp có nhu cầu tiếp tục thực hiện, trên cơ sở đáp ứng đủ điều kiện và hồ sơ như đối với ngân hàng thương mại quy định tại điểm a, b, d khoản 2 Điều 10 và điểm a, b, c khoản 5 Điều 11 Thông tư này và các quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Chính sách Xã hội được Ngân hàng Nhà nước xem xét, cho phép gia hạn thực hiện các hoạt động ngoại hối này tại văn bản gia hạn văn bản chấp thuận có thời hạn. 4. Trình tự, thủ tục xem xét chấp thuận, chấp thuận gia hạn hoạt động ngoại hối khác được thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.” 3. Khoản 3, khoản 4 Điều 29a. Hoạt động ngoại hối của Ngân hàng Phát triển Việt Nam “3. Đối với các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế: a) Căn cứ mục tiêu của chính sách tiền tệ, chính sách quản lý ngoại hối trong từng thời kỳ, Ngân hàng Nhà nước xem xét, cho phép Ngân hàng Phát		trình thủ, thủ tục xin chuyển đổi hoạt động ngoại hối do TTHC đã hết thời hạn. - Bãi bỏ khoản 2, khoản 3 Điều 3 Thông tư số 15/2019/TT-NHNN ngày 11/20/2019 sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hồ sơ, thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối để đồng bộ với việc bãi bỏ TTHC chấp thuận hoạt động ngoại hối của ngân hàng chính sách xã hội và ngân hàng Phát triển VN.

STT	Quy định hiện hành	Dự thảo thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
	triển Việt Nam thực hiện có thời hạn đối với từng sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm cụ thể, bao gồm các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế ngoài các hoạt động ngoại hối quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này trên cơ sở Ngân hàng Phát triển Việt Nam đáp ứng đủ điều kiện và hồ sơ như đối với ngân hàng thương mại theo quy định tại điểm a, b, c, d, e khoản 1 Điều 10 và điểm a, c, d, đ, e khoản 4 Điều 11 Thông tư này; b) Sau khi hết thời hạn được phép thực hiện các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế tại văn bản chấp thuận có thời hạn, trường hợp có nhu cầu tiếp tục thực hiện, trên cơ sở đáp ứng đủ điều kiện và hồ sơ như đối với ngân hàng thương mại quy định tại điểm a, b, d khoản 2 Điều 10 và điểm a, b, c khoản 5 Điều 11 Thông tư này và các quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Phát triển Việt Nam được Ngân hàng Nhà nước xem xét, cho phép gia hạn thực hiện các hoạt động ngoại hối này tại văn bản gia hạn văn bản chấp thuận có thời hạn. 4. Trình tự, thủ tục xem xét chấp thuận, chấp thuận gia hạn hoạt động ngoại hối khác thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.”		
Chương VI			

STT	Quy định hiện hành	Dự thảo thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 34/2015/TT-NHNN			
10.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Thông tư này quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, bao gồm hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức kinh tế.	Điều 13. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 “Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Thông tư này quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, bao gồm hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức kinh tế (bao gồm Tổng công ty Bưu điện Việt Nam).”	Sửa đổi, bổ sung Điều 1 theo hướng làm rõ tổ chức kinh tế bao gồm cả Tổng Công ty bưu điện VN để phù hợp với nội dung sau: Thông tư 34/2015/TT-NHNN quy định phân cấp cho NHNN Việt Nam xem xét, chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ cho Tổng Công ty bưu điện VN; NHNN chi nhánh các tỉnh, thành phố xem xét, chấp thuận cho các tổ chức kinh tế trên địa bàn. Để đơn giản hóa TTHC, phân cấp cho địa phương xử lý, dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung theo hướng phân cấp cho NHNN chi nhánh Khu vực giải quyết TTHC cho Tổng Công ty bưu điện tương tự như các tổ chức kinh tế khác trên địa bàn. Do đó, cần phải gộp TTHC của Tổng Công ty bưu điện vào các tổ chức kinh tế khác.

STT	Quy định hiện hành	Dự thảo thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
11.	Điều 14. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5 3. Định kỳ ngày 10 tháng 1 và ngày 10 tháng 7 hàng năm, tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế có trách nhiệm báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc Ngân hàng Nhà nước (đối với Tổng công ty bưu điện Việt Nam) về những thay đổi, bổ sung quy định tại khoản 2 Điều này, trong đó nêu cụ thể lý do thay đổi, bổ sung (nếu có phát sinh thay đổi, bổ sung).	Điều 14. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5 “3. Định kỳ ngày 10 tháng 1 và ngày 10 tháng 7 hàng năm, tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế có trách nhiệm báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước Khu vực về những thay đổi, bổ sung quy định tại khoản 2 Điều này, trong đó nêu cụ thể lý do thay đổi, bổ sung (nếu có phát sinh thay đổi, bổ sung).”	Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5 theo hướng bỏ nội dung liên quan đến Tổng Công ty bưu điện để đồng bộ với quy định phân cấp xử lý TTHC đối với Tổng Công ty bưu điện cho NHNN Chi nhánh khu vực tương tự như các tổ chức kinh tế khác.
12.	Điều 9. Nguyên tắc lập, gửi và trả kết quả đối với hồ sơ đề nghị chấp thuận làm dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ 1. Hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt. Thành phần hồ sơ dịch từ tiếng nước ngoài, tổ chức được lựa chọn nộp tài liệu đã được chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định về chứng thực của pháp luật Việt Nam hoặc tài liệu có xác nhận của người đại diện hợp pháp của tổ chức. 2. Đối với thành phần hồ sơ là bản sao, tổ chức được lựa chọn nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức đó về tính chính xác của bản sao so với bản chính. Trường hợp tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh và các giấy tờ bản sao không phải là bản sao có chứng thực, bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức thì tổ chức phải xuất trình kèm	Điều 15. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 “Điều 9. Nguyên tắc lập, gửi và trả kết quả đối với hồ sơ đề nghị chấp thuận làm dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ 1. Tổ chức nộp hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính và nhận kết quả thủ tục hành chính theo một trong ba cách thức sau: a) Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia; b) Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực; c) Gửi qua dịch vụ bưu chính. 2. Văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ, văn bản từ chối chấp thuận làm dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh	Sửa đổi, bổ sung Điều 9 về nguyên tắc lập, gửi và trả kết quả đối với hồ sơ đề nghị chấp thuận làm dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, trong đó bổ sung hình thức xử lý TTHC theo hình thức trực tuyến.

STT	Quy định hiện hành	Dự thảo thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
	theo bản chính để đối chiếu. Người đối chiếu hồ sơ phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.	Khu vực được thực hiện dưới hình thức văn bản điện tử. 3. Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Trường hợp tổ chức thuộc đối tượng chưa được cấp định danh tại VneID hoặc hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực. 4. Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là bản gốc văn bản điện tử, bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF) trừ Đơn đề nghị chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ, Đơn đề nghị chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ, Đơn đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ, Đơn đề nghị chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ được khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia. 5. Các tài liệu trong hồ sơ giấy là bản chính hoặc bản sao từ sổ gốc, bản sao có chứng thực, bản sao có xác nhận của tổ chức về việc	

STT	Quy định hiện hành	Dự thảo thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
		sao từ bản chính hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu. Trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính. 6. Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực chấp thuận làm dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ phải được lập thành một bộ bằng tiếng Việt. Trường hợp hồ sơ gốc bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt do tổ chức tự dịch (bản dịch phải được xác nhận về tính chính xác so với nội dung tiếng nước ngoài bởi người đại diện hợp pháp của tổ chức) hoặc thông qua một đơn vị cung cấp dịch vụ dịch thuật.	
		7. Việc tiếp nhận hồ sơ được thực hiện quy định hiện hành của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và cổng dịch vụ công quốc gia và theo quy định tại Thông tư này. Đối với hồ sơ được nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia, cán bộ tại Bộ phận Một cửa thông báo về việc tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ cho tổ chức không muộn hơn 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ. Việc thông báo được gửi đến tài khoản của tổ chức trên Cổng Dịch vụ công quốc	

STT	Quy định hiện hành	Dự thảo thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
		gia hoặc qua chức năng gửi thư điện tử hoặc gửi tin nhắn điện thoại tự động của Công dịch vụ công quốc gia. 8. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính gửi cho tổ chức là bản điện tử hoặc bản giấy (trong trường hợp tổ chức đề nghị).”	
13.	Điều 12. Trình tự, thủ tục chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ; chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ 2. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, cấp văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư này) hoặc văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư này). Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản thông báo rõ lý do.	Điều 16. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 “2. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trên địa bàn xem xét, cấp văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư này) hoặc văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư này). Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có thông báo trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ (trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư này). Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có thông báo trên Cổng dịch vụ	Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 để cắt giảm thời gian xử lý TTHC từ 30 ngày làm việc xuống còn 20 ngày làm việc.

STT	Quy định hiện hành	Dự thảo thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
		công quốc gia hoặc thông báo bằng văn bản gửi tổ chức (trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư này) và nêu rõ lý do.”	
14.	Điều 15. Trình tự, thủ tục chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ; chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ 2. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trên địa bàn xem xét, cấp văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư này); văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư này). Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản thông báo rõ lý do.	Điều 17. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 “2. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trên địa bàn xem xét, cấp văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư này); văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư này). Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có thông báo trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ (trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư này). Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có thông báo trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc thông báo bằng văn bản gửi	Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 để cắt giảm thời gian xử lý TTHC từ 30 ngày làm việc xuống còn 20 ngày làm việc.

STT	Quy định hiện hành	Dự thảo thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
		tổ chức (trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư này) và nêu rõ lý do.”	

STT	Quy định hiện hành	Dự thảo thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
15.	1. Bãi bỏ khoản 1 Điều 4. Điều 4. Thấm quyền chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ 1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) có trách nhiệm: a) Chấp thuận hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ; chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam; b) Chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ; chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam; c) Thu hồi văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ; văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam; d) Thu hồi văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ; văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam. 2. Điểm b, khoản 1 Điều 11” “Điều 11. Hồ sơ đề nghị chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ; chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ	Điều 18. Bãi bỏ một số điểm, khoản, Điều, Phụ lục 1. Bãi bỏ khoản 1 Điều 4. 2. Bãi bỏ điểm b, khoản 1 Điều 11. 3. Bãi bỏ khoản 1, khoản 3 Điều 12. 4. Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 14. 5. Bãi bỏ khoản 1, khoản 3 Điều 15. 6. Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 21. 7. Bãi bỏ khoản 3 Điều 22. 8. Bãi bỏ Phụ lục 02, Phụ lục 04, Phụ lục 09, Phụ lục 11, Phụ lục 13, Phụ lục 15. 9. Thay thế Phụ lục 16, Phụ lục 17 ban hành kèm theo Thông tư số 34/2015/TT-NHNN bằng Phụ lục III, Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này. Điều 20. Điều khoản thi hành “2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các điều khoản sau đây hết hiệu lực: a. Bãi bỏ khoản 4, khoản 7, khoản 9, khoản 10 Điều 1 Thông tư số 11/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng	- Bãi bỏ khoản 1 Điều 4 về thẩm quyền chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả cho Tổng Công ty bưu điện Việt Nam do TTHC này đã gộp vào TTHC của tổ chức kinh tế. - Bãi bỏ điểm b, khoản 1 Điều 11 để bãi bỏ thành phần hồ sơ: “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” đã khai thác được từ CSDL Bộ, ngành. - Bãi bỏ khoản 1 Điều 12 vì nội dung quy định về trình tự nộp hồ sơ đã được quy định tại Điều 4a. Bãi bỏ khoản 3 Điều 12 liên quan đến Tổng Công ty bưu điện. - Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 14 về “Bản sao các giấy tờ chứng minh việc tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ khác tương đương” vì thành phần hồ sơ này

STT	Quy định hiện hành	Dự thảo thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
	1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ bao gồm: b) Bản sao các giấy tờ chứng minh việc tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ khác tương đương theo quy định của pháp luật;” 3. Bãi bỏ khoản 1, khoản 3 Điều 12. Điều 12. Trình tự, thủ tục chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ; chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ 1. Tổ chức kinh tế có nhu cầu thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (hoặc thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ) gửi 01 (một) bộ hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính. 3. Trình tự, thủ tục chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (hoặc thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ) đối với Tổng công ty Bưu điện Việt Nam: a) Tổng công ty Bưu điện Việt Nam gửi 01 (một) bộ hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước; b) Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà	dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân. d. Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 2 Thông tư số 24/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối.	có thể khai thác từ CSDL chuyên ngành của các Bộ, ngành. - Bãi bỏ khoản 1, khoản 3 Điều 15. Lý do: tương tự với việc bãi bỏ khoản 1 và khoản 3 Điều 12. - Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 21 liên quan đến việc xử lý TTHC của Tổng Công ty bưu điện VN để đồng bộ các quy định khi phân cấp xử lý TTHC nay cho NHNN chi nhánh khu vực. - Bãi bỏ khoản 3 Điều 22 liên quan đến chế độ báo cáo của Tổng Công ty bưu điện VN. - Bãi bỏ và thay thế một số Phụ lục tại Thông tư 34/2015/TT-NHNN để đảm bảo quy định đồng bộ khi phân cấp việc xử lý TTHC của Tổng Công ty bưu điện cho NHNN chi nhánh khu vực tương tự như tổ chức kinh tế khác. - Đồng thời Khoản 2 Điều 20 quy định bãi bỏ một số điều

STT	Quy định hiện hành	Dự thảo thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
	nước xem xét, cấp văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 9 ban hành kèm theo Thông tư này) hoặc văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 13 ban hành kèm theo Thông tư này). Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước có văn bản thông báo rõ lý do. 4. Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 14. Điều 14. Hồ sơ đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ; chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ 1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ bao gồm: b) Bản sao các giấy tờ chứng minh việc tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ khác tương đương theo quy định của pháp luật; 5. Bãi bỏ khoản 1, khoản 3 Điều 15. Điều 15. Trình tự, thủ tục chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ; chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ 1. Tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế có nhu cầu thực hiện hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ (hoặc thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý) gửi 01		khoản tại Thông tư số 11/2016/TT-NHNN và Thông tư số 24/2022/TT-NHNN đề sửa đổi đồng bộ các quy định.

STT	Quy định hiện hành	Dự thảo thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
	(một) bộ hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính. 3. Trình tự, thủ tục chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (hoặc thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý) đối với Tổng công ty Bưu điện Việt Nam: a) Tổng công ty Bưu điện Việt Nam gửi 01 (một) bộ hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước; b) Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét, cấp văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 11 ban hành kèm theo Thông tư này); văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 13 ban hành kèm theo Thông tư này). Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước có văn bản thông báo rõ lý do. 6. Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 21. Điều 21. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước 1. Trách nhiệm của Vụ Quản lý ngoại hối: b) Tiếp nhận hồ sơ, xem xét và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ; văn bản chấp thuận sửa đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả		

STT	Quy định hiện hành	Dự thảo thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
	ngoại tệ; văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ; văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ cho Tổng công ty Bưu điện Việt Nam theo quy định tại Thông tư này; 7. Bãi bỏ khoản 3 Điều 22. Điều 22. Chế độ báo cáo 3. Đối với Tổng công ty Bưu điện Việt Nam: Hàng quý, chậm nhất ngày 10 của tháng đầu quý sau, báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối) về số liệu nhận và chi, trả ngoại tệ của quý trước đó (theo mẫu tại Phụ lục 16 và Phụ lục 17 ban hành kèm theo Thông tư này).		